TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 12 - 2021
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quýnh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và ông Nguyễn Minh Tuấn.
***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2021/TLST - HNGĐ ngày 01/10/2021 về việc: "Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: xxxx; ĐKHKTT tại: Tổ M, khu Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm: xxxx; ĐKHKTT tại: Tổ M, khu Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2021, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K về chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng đến năm 1998 mới đi đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường M, thành phố C. Từ sau kết hôn anh chị chuyển nhiều nơi ở khác nhau nên đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn do vậy khi khởi kiện không có giấy chứng nhận kết hôn để nộp tại Tòa án. Chị có làm đơn đề nghị UBND phường M xác nhận anh chị có đăng ký kết hôn nhưng phường xác nhận "qua tìm kiếm các sổ hộ tịch lưu giữ tại UBND phường M, sổ đăng ký kết hôn năm 1998 không còn lưu giữ tại phường", do vậy chị khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng với anh K. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau 3 năm, sau kết hôn anh chị sống tại phường M, thành phố C sau đó chuyển đến thuê nhà ở tại phường C, thành phố C. Năm 2010 anh chị mua được nhà riêng và chuyển đến sống tại tổ M, khu Đ, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của anh chị sau kết hôn chỉ hòa thuận được một thời gian ngắn, từ năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do tính cách của anh K cộc cằn, nóng nảy, không tôn trọng, không yêu thương chị, thường xuyên lấy cớ xúc

phạm, hành hạ và đánh chị rất nhiều lần, vì thương con nên chị đã nhẫn nhịn, bỏ qua nhưng anh K không thay đổi. Đến năm 2010 anh K nghỉ hưu ở nhà nên thường xúc phạm và đánh chị nhiều hơn luôn nghi ngờ, ghen tuông và còn cho rằng chị không tôn trọng anh ấy vì không làm ra tiền. Các con chị chứng kiến việc chị bị đánh nhiều lần nên đã K chị ly hôn nhưng chị vẫn cố gắng chịu đựng, gia đình nội biết chuyện cũng đồng ý để chị và các con đi ra khỏi nhà một thời gian để không bị anh K đánh đập, hành hạ. Một thời gian sau chị lại tha thứ cho anh K để về tiếp tục chung sống với nhau nhưng anh K không thay đổi nên mâu thuẫn của anh chị trở lên trầm trọng hơn, không thể khắc phục được. Chị quyết định sống ly thân với anh K từ tháng 3/2020, mặc dù vẫn sống cùng một nhà nhưng không quan tâm đến nhau, không tìm biện pháp để khắc phục. Gia đình hai bên cũng hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả, đến nay chị không còn tình cảm dành cho anh K chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn K có 02 con chung là Nguyễn Chiến T – sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Tuấn A – sinh ngày xxxx (hiện đã thành niên và hoàn toàn khỏe mạnh).

+ Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: Không có.

* Tại lời tự khai, tại phiên tòa anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh và chị Trần Thị H về chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng đến năm 1998 mới đi đăng kết hôn hợp pháp tại UBND phường Mông D, thành phố C trên cơ sở tự nguyện, sau đó do phải chuyển đổi chỗ ở nhiều lần anh chị đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn nên không có để nộp tại Tòa án. Trước khi kết hôn vợ chồng anh có thời gian tìm hiểu 03 năm, sau khi kết hôn anh chị về sống tại M, thành phố C, sau đó đi thuê nhà ở tại phường Cẩm Thịnh, cho đến năm 2014 thì chuyển đến sống tại tổ 1, khu Đông Sơn, phường C, thành phố C. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc cho đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh bị tai nạn lao động phải nghỉ mất sức, không có điều kiện kinh tế để chăm lo cho gia đình như trước nên chị H không còn yêu thương, chăm sóc cho anh nữa, anh cũng đã cố gắng nói chuyện, phân tích để chị H thông cảm nhưng chị H không đồng ý. Nhiều năm liền anh chị sống cùng một nhà nhưng không quan tâm đến nhau, trong một lần cãi vã chị H có thái độ không tôn trọng anh nên anh đã đánh chị H, thực tế anh không đánh nhiều lần như chị H đã khai nhưng sau lần bị đánh thì chị H không muốn nói chuyện với anh. Mâu thuẫn của vợ chồng anh từ đó trở lên căng thẳng hơn, không nói chuyện hoặc bàn bạc được với nhau về bất cứ việc gì trong gia đình, việc của ai người đó làm. Chị H đã nhiều lần bỏ đi nơi khác sinh sống, có lần đi hơn một năm mới quay về chung sống với anh, vì con chung nên anh đã tha thứ cho chị H nhưng chị H lại không thay đổi, nhiều lần còn gây ra mâu thuẫn trầm trọng hơn, anh cũng cảm thấy chán nản, mệt mỏi, anh không còn tin tưởng vào tình cảm của chị H cho anh. Từ tháng 3/2020 anh chị đã chính thức sống ly thân nhau, vẫn sống cùng một nhà nhưng ăn riêng, ngủ

riêng, anh chỉ đưa tiền cho chị H để chăm sóc các con chung, trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không nói chuyện khắc phục mâu thuẫn gia đình, vì anh chị cũng đã lớn tuổi nên không nhờ đến chính quyền địa phương và gia đình hòa giải. Do vẫn còn tình cảm dành cho chị H và muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình vì các con chung, anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh vẫn giữ quan điểm không đồng ý ly hôn với chị H, đề nghị Tòa án án xét xử cho vợ chồng anh được về đoàn tụ.

Vợ chồng anh có 02 con chung là: Nguyễn Chiến T – sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Tuấn A – sinh ngày xxxx (hiện đã thành niên và hoàn toàn khỏe mạnh).

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết; Công nợ chung không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H, chị H được ly hôn với anh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trần Thị H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn K hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật "Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng". Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ và theo nội dung công văn của UBND phường M, thành phố C khẳng định chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn K có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 08/10/1998 số 55, do vậy Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời tự khai, quan điểm trình bày của chị H - anh K và công văn số 665/UBND ngày 19/11/2021 của UBND phường M, thành phố C, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn K là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C vào năm 1998. Sau kết hôn thời gian đầu anh chị về sống tại phường M, thành phố C sau đó còn đi thuê nhà ở tại phường Cẩm T, từ năm 2014 thì chuyển về sống tại nhà riêng ở tổ M, khu Đ, phường C, thành phố C.

Về thời gian chung sống hạnh phúc của anh chị khai không thống nhất với nhau nhưng cả chị H và anh K đều khẳng định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân theo chị H trình bày là từ khi chung sống anh chị đã không có hạnh phúc, anh K rất cục cằn thô lỗ, thường kiếm cớ hành hạ xúc phạm chị, đánh chị nhiều lần nhưng vì con chung còn nhỏ nên chị H vẫn cố gắng nhẫn nhịn và bỏ qua. Anh K thì cho rằng từ năm 2011 anh chị mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi đó anh bị tai nạn lao động phải nghỉ mất sức ở nhà, kinh tế khó khăn không đóng góp được nhiều cho gia đình nên chị H không thông cảm với anh, thường có những lời nói xúc phạm đến anh, không kìm chế được bản thân thì anh mới đánh chị H một lần khiến mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng. Cả hai anh chị cùng khẳng định từ tháng 3/2020 đã sống ly thân nhau, mặc dù ở cùng một nhà nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, không bàn bạc với nhau về bất cứ vấn đề gì trong cuộc sống. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn với anh K nhưng anh K không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm dành cho chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai về nguyên nhân mâu thuẫn của chị H và anh K cũng phù hợp với lời khai của con chung của anh chị khẳng định mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng và cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú. Anh K cho rằng vẫn còn tình cảm dành cho chị H không đồng ý ly hôn nhưng khi mâu thuẫn xảy ra anh không đưa ra được giải pháp để vợ chồng cùng khắc phục, vẫn bỏ mặc để vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm đến cuộc sống của chị H, kinh tế của ai làm ra thì người đó tự chi tiêu, anh chị không bàn bạc được bất cứ việc gì trong quan hệ gia đình, khiến không khí gia đình căng thẳng kéo dài.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh K mà không chấp nhận yêu cầu về đoàn tụ của anh K.

* Về con chung: Chị H và anh K có 02 con chung là Nguyễn Chiến T – sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Tuấn A – sinh ngày xxxx (hiện đã thành niên và hoàn toàn khỏe mạnh), Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn K.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp ngày 28/9/2021 theo biên lai số: 0005980 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường M, TP C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh